

Bản án số: 214/2025/HS-PT

Ngày 01 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Long

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 30/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo Phan Thị Hồng S; Do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Duy K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo: Anh Lê Duy K, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Anh Đinh Đức T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Số A, Khóm B, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo Giấy ủy quyền ngày 03/12/2024 - có mặt).

- Bị cáo có liên quan đến kháng cáo: **Phan Thị Hồng S**, sinh ngày 01/9/1984 tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi thường trú: Số B, Khóm B, Phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: Số G, khóm V, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kế toán; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phan P và bà Nguyễn Thị H; Chồng Bùi Trung D (đã ly hôn tháng 11/2023); Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/6/2024 đến nay (vắng mặt).

- Bị hại có liên quan đến kháng cáo: Bà Lê Thị Hồng D1, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Số E L, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà D1: Bà Huỳnh Thị Kiều D2, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Số G, Khóm D, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

(có mặt).

Ngòai ra còn có 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Thị Hồng S là nhân viên kế toán tại Văn phòng C, Phường B, thành phố V từ năm 2017 đến năm 2023 thì nghỉ việc. Hồng S có quen với chị Lê Thị Hồng D1 trú tại: Số E L, Phường B, thành phố V làm nghề buôn bán quần áo thông qua những lần S đến mua quần áo. Trong quá trình làm ăn, S có thiếu nợ nhiều người nên vay tiền của người sau trả cho người trước.

Ngày 20/9/2023, S có vay của anh Lê Duy K, trú tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long số tiền 1.200.000.000 đồng và cam kết đến ngày 22/9/2023 sẽ trả tiền lại cho anh K. Nhưng đến ngày trả nợ, S không có tiền trả anh K nên nghỉ cách hỏi vay tiền của người khác để trả anh K.

Đến sáng ngày 22/9/2023, S nhắn tin qua ứng dụng Zalo và số điện thoại hỏi chị D1 mượn tiền và nói với chị D1 là *“Sâm có 02 thửa đất ở xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long đang thế chấp Ngân hàng A - Chi nhánh V vay 1.000.000.000 đồng, hiện tại có người đồng ý mua 02 thửa đất của S với giá 1.500.000.000 đồng, và người mua đã đặt cọc cho sâm 50.000.000 đồng, nên S hỏi mượn chị D1 số tiền 950.000.000 đồng để trả tiền ngân hàng lấy quyền sử dụng đất ra làm thủ tục chuyển nhượng 02 thửa đất này và S cam kết trong vòng 03 ngày sẽ hoàn thành thủ tục chuyển nhượng và có tiền trả cho chị D1”*. Nghe vậy, chị D1 tin tưởng nên yêu cầu S phải viết giấy mượn tiền, cam kết ngày trả và yêu cầu S và chồng cùng ký tên vào giấy mượn tiền thì chị D1 mới cho mượn tiền. Do đó, để chị D1 tin tưởng cho mượn tiền, S viết giấy mượn tiền rồi ký tên mình vào, đồng thời S ký giả luôn chữ ký của chồng là anh Bùi Trung D vào giấy mượn tiền, sau đó chụp ảnh giấy mượn tiền gửi cho chị D1 xem trước.

Đến chiều ngày 22/9/2023, S đến nhà chị D1 gặp chị D1 và đưa giấy mượn tiền cho chị D1. Sau khi S đưa giấy mượn tiền có chữ ký của S và chồng cho chị D1, chị D1 đồng ý và đưa cho S số tiền 950.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 73010000475593 của S tại Ngân hàng B. Sau khi nhận được tiền của chị D1, khoảng 17 giờ cùng ngày 22/9/2023, S đem số tiền 950.000.000 đồng này trả nợ cho Lê Duy K bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của K.

Đến hạn trả nợ ngày 25/9/2023, chị D1 yêu cầu S trả lại tiền như đã cam kết thì S đưa ra lý do là hợp đồng chưa xong nên chưa có tiền trả chị D1 và S đưa hợp đồng đặt cọc mua đất do S làm giả: Bên bán là bị cáo S, bên mua đất mang tên Trần Ngọc O, rồi chụp ảnh chuyển cho chị D1 xem, chị D1 tiếp tục yêu cầu Sâm trả lại tiền, nên từ ngày 27/9/2023 đến ngày 21/12/2023, S chuyển trả chị D1 05 lần tổng cộng 100.000.000 đồng, phần tiền còn lại S hẹn nhiều lần nhưng không trả nên chị D1 làm đơn tố giác S đến Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an tỉnh V, sau đó Công an đã khởi tố vụ án và tạm giam Sâm từ ngày 07/6/2024 cho đến nay.

Quá trình điều tra, S thừa nhận hành vi phạm tội.

Đối với anh Bùi Trung D (chồng bị cáo S) không biết việc S mượn tiền của chị D1 và không có ký tên trong giấy mượn tiền nên cơ quan chức năng không xử lý đối với anh D.

Đối với hành vi làm giả hợp đồng đặt cọc, nhận thấy việc làm giả này xảy ra sau khi S đã thực hiện hoàn thành tội phạm “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, việc làm giả này mục đích nhằm để kéo dài việc thực hiện trả nợ nên cơ quan chức năng không xử lý.

Kết luận giám định số: 478/KL-KTHS ngày 21/08/2024 của Phòng K1, Công an tỉnh V xác định chữ ký, chữ viết tên Bùi Trung D trên giấy mượn tiền không phải do anh Bùi Trung D ký và viết ra.

Về trách nhiệm dân sự:

Trước khi tố giác, bị cáo S có trả cho chị D1 100.000.000 đồng. Sau khi chị D1 tố giác và bị tạm giam, bị cáo S có trả thêm cho chị D1 70.000.000 đồng, nên phần tiền còn lại chị D1 yêu cầu bị cáo S trả là 780.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo S yêu cầu anh Lê Duy K số tiền 780.000.000 đồng cho bị hại Lê Thị Hồng D1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 05/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Thị Hồng S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”;

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Thị Hồng S 08 (tám) năm tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 07/6/2024.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 2 Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Buộc anh Lê Duy K phải hoàn trả lại số tiền 780.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi triệu đồng) cho bị cáo Phan Thị Hồng S và buộc bị cáo Phan Thị Hồng S trả cho bị hại Lê Thị Hồng D1 số tiền là 780.000.000 đồng (bảy trăm tám mươi triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất, quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 18 tháng 12 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Duy K, có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với lý do kháng cáo:

Anh Khánh cho rằng việc bị cáo Phan Thị Hồng S mượn nợ của bị hại Lê Thị Hồng D1 thì anh K hoàn toàn không hay biết. Bị cáo Phan Thị Hồng S mượn nợ của anh thì phải trả lại anh, đó là nghĩa vụ mà bị cáo S phải trả theo biên nhận nợ chuyển khoản.

Vì thế, anh K kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm, không buộc anh K phải trả số tiền 780.000.000 đồng cho bị hại Lê Thị Hồng D1.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo anh Lê Duy K người đại diện theo ủy quyền là anh Đinh Đức T trình bày:* Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo nêu trên, không cung cấp chứng cứ mới.

- *Bị hại Lê Thị Hồng D1 do bà Huỳnh Thị Kiều D2 làm người đại diện theo ủy quyền, trình bày:* Bảo lưu lời trình bày và yêu cầu của bị hại D1 như nội dung án sơ thẩm đã nêu, đại diện bị hại cho rằng: Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo S đối với bị hại D1 hoàn thành ngay sau khi bị hại D1 chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bị cáo S vào chiều ngày 22/9/2023, nên số tiền 950.000.000 đồng của bị cáo S chiếm đoạt của bị hại D1 là tiền do phạm tội mà có, nên là vật chứng của vụ án. Vì thế, đến 17 giờ cùng ngày 22/9/2023 bị cáo S lấy số tiền 950.000.000 đồng là vật chứng của vụ án để chuyển trả cho anh Lê Duy K và anh Lê Duy K không biết đây là tiền do bị cáo S phạm tội mà có nên đồng ý nhận, nên anh K không bị xem xét trách nhiệm hình sự là đúng. Tuy nhiên, do số tiền bị cáo S trả anh K là tiền do phạm tội mà có và là vật chứng của vụ án nên anh K phải có trách nhiệm trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bị hại D1. Việc Tòa sơ thẩm không tuyên buộc anh K trả số tiền còn lại 780.000.000 đồng cho bị hại D1 mà lại tuyên buộc anh K trả số tiền 780.000.000 đồng cho bị cáo S, sau đó mới tuyên buộc bị cáo trả lại bị hại số tiền đã chiếm đoạt là chưa chính xác và gây khó khăn cho việc thi hành án. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh K và sửa lại phần tuyên buộc anh K trả số tiền 780.000.000 đồng cho bị hại D1.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Phan Thị Hồng S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) và xử phạt bị cáo S mức án 08 (tám) năm tù là đúng người, đúng tội, không oan, sai. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo S không có kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét về tội danh và hình phạt của bị cáo.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Duy K, số tiền 950.000.000 đồng mà bị cáo S đã chuyển khoản trả cho anh K vào ngày 22/9/2023 là tiền do bị cáo S phạm tội mà có, cụ thể là tiền của bị cáo S chiếm đoạt của bị hại D1, sau đó chuyển vào tài khoản của anh K để trả nợ cho khoản vay (mượn) từ anh K trước đó. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử

không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Duy K, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Duy K còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Phan Thị Hồng S không có kháng cáo nên Tòa không triệu tập, tuy nhiên qua trình bày của đại diện theo ủy quyền của bị hại D1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh K, cùng lời khai của bị cáo S trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ khác thể hiện hồ sơ vụ án, đủ căn cứ xác định:

Ngày 20/9/2023, S có vay (mượn) của anh Lê Duy K số tiền 1.200.000.000 đồng và cam kết đến ngày 22/9/2023 sẽ trả tiền lại cho anh K. Nhưng đến ngày trả nợ, S không có tiền trả anh K nên nghĩ cách hỏi vay tiền của người khác để trả.

Đến sáng ngày 22/9/2023 S đưa ra thông tin không có thật với chị D1 là “*Sâm có 02 thửa đất ở xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long đang thế chấp Ngân hàng A chi nhánh V vay 1.000.000.000 đồng, hiện tại có người đồng ý mua 02 thửa đất của S với giá 1.500.000.000 đồng, và người mua đã đặt cọc cho S 50.000.000 đồng, nên S hỏi mượn chị D1 số tiền 950.000.000 đồng để trả tiền Ngân hàng lấy giấy chứng quyền sử dụng đất ra làm thủ tục chuyển nhượng 02 thửa đất này và S cam kết trong vòng 03 ngày sẽ hoàn thành thủ tục chuyển nhượng và có tiền trả cho chị D1*”. Nghe vậy, chị D1 tin tưởng nên sau khi bàn bạc thì đến chiều ngày 22/9/2023 chị D1 đồng ý và cho S mượn số tiền 950.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 73010000475593 của S tại Ngân hàng B. Sau khi nhận được tiền của chị D1, khoảng 17 giờ cùng ngày 22/9/2023 S chuyển số tiền 950.000.000 đồng này trả nợ cho Lê Duy K bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của K.

Với hành vi trên, Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo S phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và xử phạt bị cáo S 08 năm tù theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan, sai nên bị cáo S không kháng cáo.

[3] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Duy K, xét:

Như nhận định trên, hành vi của bị cáo S chiếm đoạt của bị hại D1 số tiền 950.000.000 đồng vào ngày 22/9/2023 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Theo đó, việc sau khi chiếm đoạt được tiền của bị hại D1 thì cùng ngày 22/9/2023 bị cáo S dùng tiền do phạm tội mà có chuyển vào tài khoản của anh K để trả nợ cho anh K là giao dịch bất hợp pháp, do anh K

không biết được tiền của bị cáo S chuyển trả là tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh K là đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì chủ sở hữu hợp pháp của số tiền 950.000.000 đồng được xác định là của bị hại D1 nên cần phải trả lại cho bị hại D1.

- Xét, quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, giữa bị cáo S và bị hại D1 thừa nhận sau khi phạm tội bị cáo S đã trả lại cho bị hại D1 nhiều lần được số tiền 170.000.000 đồng, hiện còn lại 780.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo S yêu cầu anh K trả lại số tiền 780.000.000 đồng để bị cáo S trả lại bị hại D1. Như nhận định trên, tiền bị cáo S chuyển trả anh K là vật chứng của vụ án, chủ sở hữu hợp pháp số tiền trên được xác định là của bị hại D1, nên việc Tòa sơ thẩm tuyên buộc anh K trả lại cho bị cáo S số tiền 780.000.000 đồng và sau đó buộc bị cáo S trả lại cho bị hại D1 số tiền 780.000.000 đồng là không cần thiết, gây khó khăn cho quá trình thi hành án (vì nếu bị cáo S đang chấp hành án phạt tù mà không làm đơn yêu cầu thi hành án thì không có căn cứ để Cơ quan thi hành án dân sự buộc anh K trả lại bị cáo S 780.000.000 đồng trong trường hợp anh K không tự nguyện thi hành án, trong khi bị cáo S chưa có nguồn tiền khác để trả cho bị hại D1).

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 345 của Bộ luật Tố tụng hình sự xem xét phần không có kháng cáo, sửa lại cách tuyên án phần trách nhiệm dân sự (xử lý vật chứng), theo đó: Buộc anh K trả lại cho bị hại D1 số tiền 780.000.000 đồng, coi như bị cáo S đã hoàn trả đủ cho bị hại D1 số tiền chiếm đoạt. Phần tiền bị cáo S vay (mượn) cho anh K trước đó được giải quyết bằng thủ tục tố tụng dân sự nếu giữa anh K và bị cáo S không tự thỏa thuận được.

Với những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Duy K.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lê Duy K phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0015201 ngày 19/12/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nên đã nộp xong.

[5] Quyết định khác của án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phan Thị Hồng S, về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357, Điều 345, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Duy K; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 58/2024/HS-ST ngày 05/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

2. Về trách nhiệm dân sự (xử lý vật chứng): Buộc anh Lê Duy K có trách nhiệm trả lại cho bị hại Lê Thị Hồng N số tiền 780.000.000 (bảy trăm tám mươi triệu) đồng. Như vậy, bị cáo Phan Thị Hồng S đã bồi thường xong thiệt hại cho bị hại Lê Thị Hồng D1.

- Phần tiền bị cáo Phan Thị Hồng S vay (mượn) của anh Lê Duy K trước đó được giải quyết bằng thủ tục tố tụng dân sự nếu giữa anh Lê Duy K và bị cáo Phan Thị Hồng S không tự thỏa thuận được.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 23, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án, anh Lê Duy K phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0015201 ngày 19/12/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nên đã nộp xong.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phan Thị Hồng S, về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu HS (2), VT (5), 20b, (TK-PH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu